TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/DS-PT
Ngày: 13 - 01 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Xô

Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Khang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 472/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, do Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 664/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 1031/TB-TA ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Ngọc Anh V, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn TT1, xã TH1, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1990; Địa chỉ thường trú: Số 120 ấp P8, phường P9, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở: Số 36 Lê Thánh Tôn, thôn HT1, xã TH1, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. Bà Lê Thị Hoài H1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 36 Lê Thánh Tôn, thôn HT1, xã TH1, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phạm Ngọc Anh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Ngọc Anh V trình bày: Ông Phạm Ngọc Anh V và vợ chồng ông Nguyễn Đức H,

bà Lê Thị Hoài H1 có mối quan hệ bạn bè với nhau. Vợ chồng ông H, bà H1 nhiều lần vay tiền của ông V. Đến ngày 21/01/2025, ông V và ông H lập giấy vay nợ để thống kê lại tổng số nợ, theo đó tổng số tiền vợ chồng ông H vay của ông Phạm Ngọc Anh V là 271.650.000 đồng, hẹn thanh toán thành hai đợt, cụ thể: Ngày 24/01/2025, thanh toán số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ thanh toán sau Tết Nguyên đán. Sau khi ký giấy vay tiền thì vợ chồng ông H, bà H1 thanh toán cho ông V số tiền 40.000.000 đồng. Do vợ chồng ông H không thanh toán số tiền còn lại, nên ngày 16/6/2025, ông V đã phát hành thông báo đòi nợ, yêu cầu vợ chồng ông H phải thanh toán số tiền 231.650.000 đồng trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Vợ chồng ông H đã nhận thông báo vào ngày 18/6/2025, sau đó có thanh toán thêm cho ông V được 3.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, ông V yêu cầu vợ chồng ông H, bà H1 phải thanh toán số tiền 231.650.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 01/3/2025 đến ngày 30/6/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 5.768.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 237.418.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng bị đơn phải liên đới thanh toán số tiền nợ gốc 228.650.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 01/7/2025 đến ngày 25/9/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 5.450.000 đồng. Tổng số tiền là 234.100.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức H trình bày: Ông thừa nhận có nhiều lần vay tiền của ông V, sau đó các bên tính toán lại và lập giấy vay nợ ngày 21/01/2025, tổng số nợ gốc vào thời điểm lập giấy vay là 271.650.000 đồng. Khi lập giấy vay, các bên không thỏa thuận lãi, thời hạn trả nợ được chia thành 02 đợt, ngày 24/01/2025, ông có trách nhiệm trả cho ông V số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại thanh toán sau Tết Nguyên đán. Sau khi lập giấy vay, ông có thanh toán cho ông V số tiền 40.000.000 đồng, vì khó khăn về kinh tế nên không thể tiếp tục thanh toán theo tiến độ. Ngày 18/6/2025, ông có nhận được thông báo yêu cầu trả tiền của ông Phạm Ngọc Anh V, sau đó ông có thanh toán cho ông V số tiền 3.000.000 đồng. Từ đó đến nay không thanh toán nữa. Ông xác định hiện nay còn nợ ông V số tiền 228.650.000 đồng nợ gốc. Đây là nợ riêng của ông với ông V, ông vay tiền nhằm mục đích đầu tư kinh doanh riêng nhưng bị thua lỗ, không tiêu dùng vào các nhu cầu thiết yếu của gia đình. Trong tổng số tiền ông V chuyển cho ông vay thì có 88.000.000 đồng ông dùng tài khoản của bà H1 để nhận tiền, bà H1 không biết việc vay mượn và không sử dụng số tiền vay. Do đó, việc ông V yêu cầu bà H1 có nghĩa vụ liên đới là không đúng.

Nay, ông đồng ý thanh toán cho ông V số tiền nợ gốc là 228.650.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2025 cho đến ngày 25/9/2025 là 5.450.000 đồng. Trách nhiệm trả nợ cho ông V do ông thực hiện.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Hoài H1 trình bày: Bà không biết việc vay mượn tiền giữa ông V và ông H. Việc ông V trình bày vợ chồng bà nhiều lần đặt vấn đề vay tiền của ông V là không đúng. Đầu năm 2025, ông V nhiều lần đến tìm ông H, sau này khi tìm hiểu thì mới biết ông V đến đòi nợ. Khi ông V hẹn bà và ông H đến quán cà phê để làm việc liên quan đến số tiền nợ, bà

đã nhắn tin cho ông V để xác định mình không liên quan đến khoản nợ. Vào ngày 21/01/2025, sau khi ông V và ông H thống nhất lại số nợ gốc thì hai bên tự lập giấy vay, bà không ký giấy vay và không liên quan. Thực tế, tài khoản của bà có nhận số tiền 88.000.000 đồng từ ông V chuyển khoản; tuy nhiên, trước khi nhận được tiền thì ông H thông báo rằng sẽ có người chuyển tiền đến và yêu cầu khi nhận được tiền thì chuyển cho tài khoản khác theo chỉ định của ông H. Bà không vay mượn và không sử dụng số tiền nêu trên. Toàn bộ khoản vay ông H vay làm gì bà không rõ, bà không cùng sử dụng, ông H cũng không sử dụng số tiền vay để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu trong gia đình.

Vì tài khoản ngân hàng đứng tên bà có nhận từ ông V số tiền 88.000.000 đồng nên bà đồng ý liên đới cùng ông H thanh toán cho ông V số tiền nợ gốc 88.000.000 đồng nêu trên và tiền lãi chậm trả tương ứng từ ngày 01/7/2025 đến ngày 25/9/2025, số nợ còn lại và tiền lãi tương ứng ông H có trách nhiệm thanh toán cho ông V, bà không có trách nhiệm liên đới.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của ông Phạm Ngọc Anh V đối với ông Nguyễn Đức H và bà Lê Thị Hoài H1, cụ thể:

1.1. Buộc ông Nguyễn Đức H có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Ngọc Anh V số tiền 144.003.108 đồng bao gồm 140.650.000 đồng nợ gốc và 3.353.108 đồng tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2025).

1.2. Buộc ông Nguyễn Đức H và bà Lê Thị Hoài H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Ngọc Anh V số tiền 90.096.892 đồng bao gồm 88.000.000đ nợ gốc và 2.096.892 đồng tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2025), được chia phần cụ thể như sau:

1.2.1. Ông Nguyễn Đức H có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Ngọc Anh V số tiền 45.048.446 đồng bao gồm 44.000.000 đồng nợ gốc và 1.048.446 đồng tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2025).

1.2.2. Bà Lê Thị Hoài H1 có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Ngọc Anh V số tiền 45.048.446 đồng bao gồm 44.000.000 đồng nợ gốc và 1.048.446 đồng tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2025).

1.3. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Lê Thị Hoài H1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số nợ gốc và lãi còn lại là 144.003.108 đồng bao gồm 140.650.000 đồng nợ gốc và 3.353.108 đồng tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2025).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2025, nguyên đơn ông Phạm Ngọc Anh V kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Phạm Ngọc Anh V rút kháng cáo phần tuyên buộc ông Nguyễn Đức H và bà Lê Thị Hoài H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Ngọc Anh V số tiền 90.096.892 đồng, gồm 88.000.000 đồng nợ gốc và 2.096.892 đồng tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm, chỉ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc vợ chồng ông H và bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Ngọc Anh V số tiền 144.003.108 đồng, gồm 140.650.000 đồng nợ gốc và 3.353.108 đồng tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Vì số tiền này ông H đứng ra vay mục đích phục vụ cho công việc gia đình nên vợ chồng ông H, bà H1 phải có trách nhiệm liên đới trả.

- Bị đơn ông Nguyễn Đức H và bà Lê Thị Hoài H1 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với khoản tiền 90.096.892 đồng, gồm 88.000.000 đồng nợ gốc và 2.096.892 đồng tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm, do nguyên đơn ông Phạm Ngọc Anh V rút kháng cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Anh V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng đối với số tiền còn lại và buộc người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Phạm Ngọc Anh V rút kháng cáo đối với phần tuyên buộc ông Nguyễn Đức H và bà Lê Thị Hoài H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Ngọc Anh V số tiền 90.096.892 đồng, gồm 88.000.000 đồng nợ gốc và 2.096.892 đồng tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm; chỉ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc vợ chồng ông H và bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Ngọc Anh V số tiền 144.003.108 đồng, gồm 140.650.000 đồng nợ gốc và 3.353.108 đồng tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với khoản tiền 90.096.892 đồng nêu trên là đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Anh V; Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Phạm Ngọc Anh V đều thừa nhận tất cả những lần vay tiền đều do ông Nguyễn Đức H là người trực tiếp đứng ra vay, không có bà H1, điều này là phù hợp với lời khai của ông H, bà H1.

[2.2] Tuy nhiên, ông V cho rằng khi vay tiền, mặc dù không có bà H1 nhưng ông H nói mục đích vay là để sửa chữa xe ô tô, nộp phạt vi phạm, xử lý tai nạn và mua xe tải cho mẹ ruột của bà H1 và nộp chứng cứ để chứng minh là nội dung tin nhắn giữa ông H và ông V, nên cả vợ chồng ông H, bà H1 phải có trách nhiệm liên đới trả nợ. Tại buổi đối chất tại cấp sơ thẩm, ông H phủ nhận vấn đề vay tiền để mua xe tải cho mẹ ruột của bà H1, thừa nhận khi vay tiền có trình bày với ông V để sửa xe, nộp phạt vi phạm và xử lý tai nạn, nhưng sau đó ông H thay đổi lời khai xác định mục đích vay tiền là để đầu tư riêng, vì không muốn bà H1 biết dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn nên không trình bày đúng sự thật và nộp chứng cứ là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên Lê Đình Phương, ông H xác định xe ô tô không phải là tài sản của vợ chồng ông, ông chỉ là người lái xe thuê. Về phía bà H1 không thừa nhận việc ông H vay tiền mục đích để phục vụ cho công việc của gia đình như ông V khai.

[2.3] Xét thấy, các đương sự đều thống nhất khai nhận vào ngày viết giấy nhận nợ 21/01/2025 tại quán cà phê, sau khi ông V, bà H1 bàn bạc với nhau thì ông V là người ra ngoài gặp ông H, ông V lập giấy nợ để ông H ký tên. Như vậy, nếu cho rằng đây là khoản vay là nợ chung của vợ chồng ông H, bà H1 thì không lý do gì ông V lập giấy nhận nợ nhưng lại không yêu cầu cả hai vợ chồng ông H, bà H1 cùng ký tên.

[2.4] Ngoài ra, đối với nội dung video do nguyên đơn cung cấp, mặc dù, trong đó thể hiện bà H1 có đưa ra phương án trả nợ nhưng các đương sự thống nhất thừa nhận nguồn tiền để trả nợ là tiền của dì ruột ông H và từ việc chuyển nhượng thửa đất thuộc quyền sử dụng của mẹ ông H; đồng thời, khi ông V đề

nghị lập văn bản xác nhận tiến độ thanh toán thì bà H1 cũng đề nghị lập giấy để ông H ký, điều này phù hợp với lời trình bày của bà H1 và tin nhắn của bà H1 trả lời ông V có nội dung khẳng định khoản nợ là nghĩa vụ riêng của ông H.

[2.5] Từ nhận định trên, xét thấy bà H1 chỉ đồng ý cùng ông H liên đới thanh toán số nợ gốc 88.000.000 đồng mà ông H đã dùng tài khoản của bà H1 để nhận và tiền lãi tương ứng đối với số tiền này từ ngày 01/7/2025 đến ngày 25/7/2025, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Anh V, buộc bà H1 và ông H có trách nhiệm liên đới thanh toán khoản tiền này cho ông V, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V về việc buộc bà H1 và ông H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc và lãi còn lại, chỉ tuyên buộc một mình ông H trả là hoàn toàn có căn cứ.

[2.6] Do đó, kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Anh V là không có cơ sở để chấp nhận, như quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với khoản tiền 90.096.892 đồng *(Chín mươi triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng)*, gồm 88.000.000 đồng *(Tám mươi tám triệu đồng)* nợ gốc và 2.096.892 đồng *(Hai triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng)* tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2025) Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông Nguyễn Đức H và bà Lê Thị Hoài H1 liên đới trả cho ông Phạm Ngọc Anh V.

Phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng đối với khoản tiền nêu trên có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Anh V; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng đối với khoản tiền 144.003.108 đồng *(Một trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm lẻ ba nghìn, một trăm lẻ tám đồng)*.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Anh V:

Buộc ông Nguyễn Đức H có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Ngọc Anh V số tiền 144.003.108 đồng *(Một trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm lẻ ba nghìn, một trăm lẻ tám đồng)*, gồm 140.650.000 đồng *(Một trăm bốn mươi triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* nợ gốc và 3.353.108 đồng *(Ba triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, một trăm lẻ tám đồng)* tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2025).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Anh V về việc yêu cầu buộc bà Lê Thị Hoài H1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Nguyễn Đức H trả số nợ 144.003.108 đồng *(Một trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm lẻ ba nghìn, một trăm lẻ tám đồng)* tại mục 1. nêu trên.

3. Về án phí:

- Hoàn trả lại cho ông Phạm Ngọc Anh V 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000750 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

- Buộc ông Nguyễn Đức H phải chịu 9.452.577 đồng *(Chín triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm bảy mươi bảy đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Lê Thị Hoài H1 phải chịu 2.252.422 đồng *(Hai triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Phạm Ngọc Anh V phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Phạm Ngọc Anh V đã nộp theo biên lai thu số 0005713 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng; ông Phạm Ngọc Anh V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/01/2026).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 15 – Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 15 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 15 – Lâm Đồng;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, TDS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thái

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thủy Tiên **Lê Văn Xô** **Nguyễn Hồng Thái**